

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55 /2026/HSST

Ngày: 20 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Khanh

Ông Nguyễn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thái Trâm Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Lê Thành N; Tên gọi khác: không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 15/4/1994 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký HKTT: thôn N, xã H, thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: thôn P, phường H, thành phố Đà Nẵng; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Số CCCD: 049094008655, cấp ngày 14/10/2022, nơi cấp: Cục C về TTXH; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Văn V và bà Võ Thị Thanh H; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: - TAND huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 20/2020/HSST ngày 03/6/2020

- Công an huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xử phạt hành chính số tiền 1.500.000đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPVPHC ngày 28/02/2024

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/8/2025, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo: Đặng Phương T; Tên gọi khác: không có; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 19/4/1991 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký HKTT và cư trú: 96 L, tổ H, phường H, thành

phố Đà Nẵng; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Số CCCD: 048191006932, cấp ngày 17/8/2021, nơi cấp: Cục C về TTXH; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Đặng Q và bà Phạm Thị T1; Bị cáo có 02 con (lớn nhất sinh năm 2015 và nhỏ nhất sinh năm 2023) Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa

* Người bào chữa cho bị cáo Đặng Phương T: ông **Đặng Văn V1** - Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ. *Có mặt*

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà **Ngô Thị Tuyết N1** - Sinh năm 1983 - Địa chỉ: A T, phường H, thành phố Đà Nẵng - Địa chỉ liên hệ: A T, phường H, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 26/8/2025, do có nhu cầu sử dụng ma túy nên khi Đặng Phương T tình cờ gặp lại người bạn tên N2 trên đường A, phường H, thành phố Đà Nẵng thì T hỏi N2 có biết chỗ bán ma túy thì mua giúp T. Lúc này, N2 đồng ý rồi liên hệ người tên H1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua giúp T 1.500.000 đồng ma túy đá và bộ D sử dụng. Sau khi liên hệ xong, N2 yêu cầu T chuyển tiền vào số tài khoản N2 cung cấp, do không có tiền mặt nên T nhờ người đi đường chuyển 1.500.000 đồng vào số tài khoản này rồi N2 nói T đến cột điện ở khu vực sân bóng tại Kiệt A đường A, phường L, thành phố Đà Nẵng để lấy ma túy. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T đón xe G đến sân bóng rồi đi đến vị trí cột điện thứ hai thì nhìn thấy 01 gói ma túy và bộ dụng cụ gồm: 01 ống hút màu đỏ bằng nhựa và 01 bật lửa màu đỏ được dán băng keo trên cột điện. T cất ma túy và bộ dụng cụ trên người rồi đi tìm nơi để sử dụng. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi T đang đi ngoài đường thì Lê Thành N mượn điện thoại của bạn tên Đ, gọi vào số điện thoại 0795796525 rủ T sử dụng trái phép chất ma túy thì T đồng ý và nói “có sẵn ma túy đá rồi”, rồi cả hai thống nhất sử dụng ma túy tại nhà nghỉ P. Sau đó, T đón xe grab đến nhà nghỉ rồi thuê phòng 102 thì N cũng vừa đi grab đến nên cả hai cùng lên phòng. Tại phòng 102, Đặng Phương T và Lê Thành N đã cùng nhau tổ chức sử dụng ma túy như sau:

Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 26/8/2025, T lấy gói ma túy và bộ dụng cụ để trên giường. N dùng bật lửa đục 02 lỗ trên nắp chai nhựa của chai nước suối 500ml rồi gắn ống hút và nỏ thủy tinh vào hai lỗ. Sau đó cho ma túy vào nỏ thủy tinh và dùng bật lửa hơi nóng để sử dụng. Cả hai thay phiên nhau sử dụng khoảng 45 phút rồi nghỉ ngơi. Sau đó T đưa cho N 01 điện thoại và cả hai nằm chơi điện thoại đến

khoảng 03 giờ ngày 27/8/2025 thì đi ngủ. Trước khi ngủ, N để bộ dụng cụ dưới đất, T cất số ma túy còn lại dưới gối.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/8/2025, sau khi thức dậy thì T rủ N tiếp tục sử dụng ma túy và N đồng ý. T lấy số ma túy cất dưới gối để ra giường, N lấy bộ dụng cụ sử dụng để lên giường và cho ma túy vào nỏ rồi bật lửa nhưng cả hai chưa kịp sử dụng thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang. Trong số tang vật thu giữ có 01 gói nilong bên trong chứa tinh thể màu trắng ký hiệu A1, 01 nỏ thủy tinh có chất tinh thể màu trắng bám dính ký hiệu B1.

Theo Kết luận giám định số 832.1/KL-KTHS ngày 06/9/2025 của Phòng K Công an thành phố Đ: Chất tinh thể màu trắng ký hiệu A1 là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,925 gam. Chất bám trong nỏ thủy tinh ký hiệu B1 là Methamphetamine nhưng không xác định được khối lượng; mẫu nước tiểu của các đối tượng đều dương tính với Methamphetamine.

* Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng đã truy tố Đặng Phương T và Lê Thành N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đặng Phương T và Lê Thành N từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm 06 tháng tù. Về xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự để tuyên: Tịch thu, tiêu hủy đối với: 01 túi niêm phong mã số NS42138408 và 01 túi niêm phong mã số NS224071376 được niêm phong đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an thành phố Đ, 01 chai nhựa loại 500ml gắn nắp màu trắng đục trên nắp có 02 lỗ, 01 đoạn ống hút nhựa màu đỏ; 01 bật lửa màu đỏ có dòng chữ “THONGNHAT”; tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước đối với: 01 điện thoại di động OPPO A38 màu xanh; quy trữ để đảm bảo thi hành án 01 điện thoại di động Redmi màu đen.

* Người bào chữa cho bị cáo Đặng Phương T - Luật sư Đặng Văn V1 phát biểu ý kiến, không đồng ý với nội dung cáo trạng truy tố bị cáo Đặng Phương T phạm tội 2 lần. Luật sư cho rằng: Hành vi của bị cáo T và bị cáo N là sử dụng cùng một nguồn ma túy, cùng bộ dụng cụ và tại cùng một địa điểm đã được chuẩn bị sẵn trong khoảng thời gian liên tục, do vậy việc truy tố bị cáo phạm tội 2 lần không thỏa mãn điều kiện “mỗi lần đều cấu thành tội phạm độc lập” theo hướng dẫn tại khoản 2.3 mục I Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP. Đồng thời đề nghị xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: thành khẩn

khai báo ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn, ngặt nghèo; nhân thân tốt và có nhận thức hạn chế về pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội. Tại lời nói sau cùng bị cáo Lê Thành N và Đặng Phương T đều có ý kiến các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về làm lại cuộc đời, chăm sóc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội nhưng bị cáo Đặng Phương T và luật sư bảo vệ cho bị cáo T có ý kiến bị cáo chỉ phạm tội theo quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự, không phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận: Do có nhu cầu sử dụng ma túy, Đặng Phương T đã đặt mua ma túy và bộ D sử dụng. Trên đường T đi tìm địa điểm để sử dụng thì Lê Thành N gọi điện rủ T sử dụng ma túy nên T đồng ý và hẹn nhau đến Nhà nghỉ P ở địa chỉ số A T, phường H, thành phố Đà Nẵng. Sau đó T thuê phòng 102 và đến 23 giờ 45 phút ngày 26/8/2025 N và T đã thay phiên nhau sử dụng ma túy trong khoảng 45 phút. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/8/2025, sau khi ngủ dậy T rủ N sử dụng ma túy thì N đồng ý; trong lúc N bỏ ma túy vào nỏ thủy tinh, đang đốt lửa để cả hai sử dụng thì bị cơ quan công an bắt quả tang. Tuy nhiên, bị cáo T và luật sư cho rằng hành vi của các bị cáo là chỉ thuê phòng một lần duy nhất, chỉ cung cấp ma túy một lần duy nhất, chỉ chuẩn bị dụng cụ một lần duy nhất và diễn ra trong khoảng thời gian liên tục nên thuộc trường hợp thực hiện một lần tổ chức duy nhất, không có hai lần.

Hội đồng xét xử xét thấy: xét hành vi của các bị cáo đã thực hiện vào ngày 26/8/2025 thì bị cáo N giữ vai trò là người rủ rê, còn bị cáo T là người cung cấp ma túy, dụng cụ để sử dụng và chuẩn bị địa điểm (bị cáo là người chọn địa điểm và đứng ra thuê phòng), hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn toàn hoàn thành tại thời điểm các bị cáo dừng việc sử dụng ma túy sau 45 phút sử dụng. Đối với hành vi xảy

ra vào ngày 27/8/2026: Tại thời điểm cơ quan Công an vào bắt quả tang thì hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của từng bị cáo đã hoàn thành, trong đó T giữ vai trò là người rử rê, cung cấp ma túy (lấy ma túy đã cất dưới gối bỏ ra để sử dụng), còn N là người chuẩn bị công cụ, phương tiện thể hiện ở hành vi lấy bộ dụng cụ sử dụng đã cất ra, bỏ ma túy vào nỏ và đốt lửa lên; việc các bị cáo chưa đưa được ma túy vào cơ thể là ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo (do bị cơ quan công an vào khám xét), không phải các bị cáo tự ý chấm dứt hành vi.

Do đó căn cứ vào biên bản phạm tội quả tang và lời khai khác, các chứng cứ tài liệu điều tra thu thập có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Đặng Phương T và Lê Thành N đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 02 lần tại phòng 102 Nhà nghỉ P ở địa chỉ số A T, phường H, thành phố Đà Nẵng; trong đó: lần 1 vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 26/8/2025 và lần 2 vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 27/8/2025. Hành vi của Đặng Phương T, Lê Thành N3 đã thỏa mãn đầy đủ các yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 đã truy tố.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức rất rõ tác hại của ma túy và biết hành vi mua, sử dụng và tổ chức cho người khác sử dụng các chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân và bạn bè nên các bị cáo đã cùng sử dụng và tổ chức cho người khác sử dụng.

Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của nhà nước đối với chất gây nghiện, mà còn gây tổn hại đến sức khỏe và kinh tế xã hội, ảnh hưởng đến trị an tại địa phương. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo thật nghiêm khắc, nhất thiết phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian dài để các bị cáo cải tạo, tu dưỡng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo:

Cả hai bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài lần bị bắt quả tang vào ngày 27/8/2025, các bị cáo đã tự khai ra hành vi phạm tội vào ngày 26/8/2025, quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Lê Thành N đã từng tham gia quân ngũ và được tặng giấy khen trong quá trình công tác, gia đình có công với cách mạng (ông nội của bị cáo là Liệt sỹ kháng chiến chống Mỹ cứu nước); đối với Đặng Phương T, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn là mẹ đơn thân nuôi 02 con nhỏ trong đó có 01 con bị khuyết tật, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên cả hai bị cáo đều được

hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét vai trò và nhân thân: Trong vụ án này, cả hai bị cáo đều có vai trò tích cực như nhau, trong lần phạm tội này là người rủ rê thì lần phạm tội khác là người giúp sức và ngược lại. Tuy nhiên, Đặng Phương T có nhân thân tốt hơn - bị cáo phạm tội thuộc trường hợp lần đầu, còn Lê Thành N có nhân thân rất xấu – bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và bị phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Do vậy, cần xét xử bị cáo N mức hình phạt cao hơn bị cáo T để thể hiện tính công bằng của pháp luật.

[5] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng về tội danh, điều khoản luật và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[6] Đối với ý kiến của luật sư Đặng Văn V1: Về yêu cầu xác định bị cáo Đặng Phương T chỉ phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” 01 lần: như đã phân tích trên đây là không có cơ sở nên không chấp nhận. Đối với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “nhận thức hạn chế về pháp luật” do trình độ học vấn thấp: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có trình độ học vấn là lớp 7/12, tuổi đời còn trẻ và đang sinh sống tại trung tâm thành phố lớn nên không có cơ sở để chấp nhận. Các tình tiết giảm nhẹ khác mà luật sư đã nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với 01 túi niêm phong mã số NS42138408 và 01 túi niêm phong mã số NS224071376 được niêm phong đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an thành phố Đ là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cất lưu hành; đối với 01 chai nhựa loại 500ml gắn nắp màu trắng đục, trên nắp có 02 lỗ, 01 đoạn ống hút nhựa màu đỏ, 01 bật lửa màu đỏ có dòng chữ “THONGNHAT” là công cụ phương tiện phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động OPPO A38 màu xanh, Imel 1: 869511060042476 gắn sim số 0795796525 thu giữ của Đặng Phương T là công cụ, phương tiện bị cáo đã sử dụng trao đổi, liên lạc rủ nhau sử dụng ma túy nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Redmi màu đen, Imeil 1: 864129074160344 không gắn thẻ sim thu giữ của Đặng Phương T không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo nhưng cần quy trữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Đối với người bán ma túy cho Đặng Phương T và người giúp T chuyển tiền mua ma túy, trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa xác định được lai lịch của đối tượng này nên sẽ tiếp tục điều tra làm rõ sau là phù hợp.

[9] Án phí hình sự sơ thẩm: các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Lê Thành N, Đặng Phương T phạm tội "*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*".

2. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Lê Thành N: 08 (Tám) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 27/8/2025.

3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 255; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Phương T: 07 (Bảy) năm, 06 (Sáu) tháng tù. Trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ là 09 ngày (từ ngày 27/8/2025 đến ngày 05/9/2025), bị cáo còn phải chấp hành 07 (Bảy) năm, 05 (Năm) tháng, 21 (Hai mươi một) ngày tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tuyên:

Tịch thu, tiêu hủy: 01 túi niêm phong mã số NS42138408 và 01 túi niêm phong mã số NS224071376 được niêm phong đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an thành phố Đ; 01 chai nhựa loại 500ml gắn nắp màu trắng đục, trên nắp có 02 lỗ, 01 đoạn ống hút nhựa màu đỏ, 01 bật lửa màu đỏ có dòng chữ "THONGNHAT"

Tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động OPPO A38 màu xanh, có số Imel 1: 869511060042476 gắn sim số 0795796525

Quy trừ để đảm bảo thi hành án đối với 01 điện thoại di động Redmi màu đen, có số Imel 1: 864129074160344 không gắn thẻ sim

(Các vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Đà Nẵng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 01 năm 2026)

5. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Thành N, Đặng Phương T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người tham gia tố tụng
- VKSND Khu vực 4;
- TAND, VKSND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 01 CA TP Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐTCA thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHSCA thành phố Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thái